

Số: /TTr-UBND

Vĩnh Châu, ngày 28 tháng 10 năm 2024

TỜ TRÌNH

**Về việc điều chỉnh dự toán kinh phí (vốn sự nghiệp) thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024
trên địa bàn thị xã Vĩnh Châu**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thị xã Vĩnh Châu

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ
Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn
ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn
2021 - 2025.*

*Căn cứ Nghị quyết số 101/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội
đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về phân bổ vốn ngân sách nhà nước (vốn sự nghiệp)
thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 trên
địa bàn tỉnh Sóc Trăng;*

*Căn cứ Quyết định số 3548/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Ủy
ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc giao dự toán kinh phí (vốn sự nghiệp) thực
hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 trên địa
bàn tỉnh Sóc Trăng;*

*Căn cứ Quyết định số 1841/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Ủy
ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc điều chỉnh dự toán kinh phí (vốn sự nghiệp)
thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 trên
địa bàn tỉnh Sóc Trăng;*

*Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Hội
đồng nhân dân thị xã Vĩnh Châu về việc phân bổ vốn ngân sách Trung ương (vốn
sự nghiệp) năm 2024 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn
thị xã Vĩnh Châu;*

*Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Hội
đồng nhân dân thị xã Vĩnh Châu về việc dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa
bàn, chi ngân sách địa phương thị xã Vĩnh Châu năm 2024;*

Căn cứ Thông báo số 1426-TB/TU ngày 28 tháng 10 năm 2024 của Thị ủy Vĩnh Châu về việc kết luận của Ban Thường vụ Thị ủy Vĩnh Châu.

Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu trình Hội đồng nhân dân thị xã Vĩnh Châu xem xét điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024 (vốn sự nghiệp) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 trên địa bàn thị xã Vĩnh Châu với tổng số tiền 8.865.400.000 đồng (bằng chữ: tám tỷ, tám trăm sáu mươi lăm triệu, bốn trăm ngàn đồng), chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Nguồn kinh phí thực hiện:

- Bổ sung mục tiêu của tỉnh tại Quyết định số 3548/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng: 7.424.000.000 đồng.

- Bổ sung mục tiêu của tỉnh tại Quyết định số 1841/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng: 699.000.000 đồng.

- Sự nghiệp kinh tế năm 2024 (sự nghiệp kinh tế khác): 742.400.000 đồng.

Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu trình trước kỳ họp thứ 15 (chuyên đề) Hội đồng nhân dân thị xã Vĩnh Châu khóa XII, nhiệm kỳ 2021 - 2026 xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. Thị ủy;
- TT. HĐND thị xã;
- Ban KT-XH HĐND thị xã;
- Đại biểu HĐND thị xã;
- Thành viên UBND thị xã;
- Lưu: VT, NC.



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Liêm

Phụ lục

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu)

ĐVT: đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán được phân bổ	Trong đó		Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) dự toán		Dự toán sau điều chỉnh	Trong đó		Chương- Loại khoản, tính chất nguồn kinh phí
			Ngân sách Trung ương tại Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2023	Ngân sách thị xã (đôi ứng 10%) Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2023	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	
Tổng cộng		8.166.400.000	7.424.000.000	742.400.000	699.000.000	-	8.865.400.000	8.123.000.000	742.400.000	
I	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo (Mã CTMT: 0472)	3.472.700.000	3.157.000.000	315.700.000	-	-	3.472.700.000	3.157.000.000	315.700.000	
-	UBND Phường 1	374.000.000	340.000.000	34.000.000			374.000.000	340.000.000	34.000.000	
-	UBND Phường 2	427.900.000	389.000.000	38.900.000			427.900.000	389.000.000	38.900.000	
-	UBND phường Khánh Hòa	427.900.000	389.000.000	38.900.000			427.900.000	389.000.000	38.900.000	
-	UBND phường Vĩnh Phước	267.300.000	243.000.000	24.300.000			267.300.000	243.000.000	24.300.000	
-	UBND xã Vĩnh Hải	320.100.000	291.000.000	29.100.000			320.100.000	291.000.000	29.100.000	
-	UBND xã Vĩnh Hiệp	320.100.000	291.000.000	29.100.000			320.100.000	291.000.000	29.100.000	
-	UBND xã Lai Hòa	374.000.000	340.000.000	34.000.000			374.000.000	340.000.000	34.000.000	
-	UBND xã Vĩnh Tân	374.000.000	340.000.000	34.000.000			374.000.000	340.000.000	34.000.000	
-	UBND xã Lạc Hòa	320.100.000	291.000.000	29.100.000			320.100.000	291.000.000	29.100.000	
-	UBND xã Hòa Đông	267.300.000	243.000.000	24.300.000			267.300.000	243.000.000	24.300.000	
II	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng (Mã CTMT: 0473)	1.732.500.000	1.575.000.000	157.500.000	699.000.000	-	2.431.500.000	2.274.000.000	157.500.000	

STT	Tên đơn vị	Dự toán được phân bổ	Trong đó		Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) dự toán		Dự toán sau điều chỉnh	Trong đó		Chương- Loại khoản, tính chất nguồn kinh phí
			Ngân sách Trung ương tại Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2023	Ngân sách thị xã (đối ứng 10%) Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2023	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	
1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	1.406.900.000	1.279.000.000	127.900.000	699.000.000	-	2.105.900.000	1.978.000.000	127.900.000	
	UBND Phường 1	151.800.000	138.000.000	13.800.000			151.800.000	138.000.000	13.800.000	
	UBND Phường 2	172.700.000	157.000.000	15.700.000			172.700.000	157.000.000	15.700.000	
	UBND phường Khánh Hòa	172.700.000	157.000.000	15.700.000	220.000.000		392.700.000	377.000.000	15.700.000	
	UBND phường Vĩnh Phước	108.350.000	98.500.000	9.850.000	220.000.000		328.350.000	318.500.000	9.850.000	
	UBND xã Vĩnh Hải	129.800.000	118.000.000	11.800.000			129.800.000	118.000.000	11.800.000	
	UBND xã Vĩnh Hiệp	129.800.000	118.000.000	11.800.000			129.800.000	118.000.000	11.800.000	
	UBND xã Lai Hòa	151.800.000	138.000.000	13.800.000			151.800.000	138.000.000	13.800.000	
	UBND xã Vĩnh Tân	151.800.000	138.000.000	13.800.000			151.800.000	138.000.000	13.800.000	
	UBND xã Lạc Hòa	129.800.000	118.000.000	11.800.000			129.800.000	118.000.000	11.800.000	
	UBND xã Hòa Đông	108.350.000	98.500.000	9.850.000	259.000.000		367.350.000	357.500.000	9.850.000	
2	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng	325.600.000	296.000.000	29.600.000			325.600.000	296.000.000	29.600.000	
-	Trung tâm Y tế	325.600.000	296.000.000	29.600.000			325.600.000	296.000.000	29.600.000	799-139;12
III	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững (Mã CTMT: 0474)	1.819.400.000	1.654.000.000	165.400.000			1.819.400.000	1.654.000.000	165.400.000	
1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	1.117.600.000	1.016.000.000	101.600.000			1.117.600.000	1.016.000.000	101.600.000	
-	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	1.117.600.000	1.016.000.000	101.600.000			1.117.600.000	1.016.000.000	101.600.000	624-098;12

STT	Tên đơn vị	Dự toán được phân bổ	Trong đó		Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) dự toán		Dự toán sau điều chỉnh	Trong đó		Chương- Loại khoản, tính chất nguồn kinh phí
			Ngân sách Trung ương tại Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2023	Ngân sách thị xã (đổi ứng 10%) Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2023	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	
2	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	701.800.000	638.000.000	63.800.000			701.800.000	638.000.000	63.800.000	
-	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	701.800.000	638.000.000	63.800.000			701.800.000	638.000.000	63.800.000	624-341;12
IV	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin (Mã CTMT: 0476)	331.100.000	301.000.000	30.100.000			331.100.000	301.000.000	30.100.000	
1	Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin	169.400.000	154.000.000	15.400.000			169.400.000	154.000.000	15.400.000	
-	Phòng Văn hóa và Thông tin	169.400.000	154.000.000	15.400.000			169.400.000	154.000.000	15.400.000	625-341;12
2	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo	161.700.000	147.000.000	14.700.000			161.700.000	147.000.000	14.700.000	
-	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	161.700.000	147.000.000	14.700.000			161.700.000	147.000.000	14.700.000	624-341;12
V	Dự án 7. Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá chương trình (Mã CTMT: 0477)	810.700.000	737.000.000	73.700.000			810.700.000	737.000.000	73.700.000	
1	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	468.600.000	426.000.000	42.600.000			468.600.000	426.000.000	42.600.000	
-	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	468.600.000	426.000.000	42.600.000			468.600.000	426.000.000	42.600.000	624-341;12
2	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá	342.100.000	311.000.000	31.100.000			342.100.000	311.000.000	31.100.000	
-	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	342.100.000	311.000.000	31.100.000			342.100.000	311.000.000	31.100.000	624-341;12

Ghi chú: ngân sách thị xã đã đổi ứng 10% theo quy định.